

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện dự toán ngân sách năm 2025,  
Phương hướng, nhiệm vụ thực hiện Dự toán năm 2026**

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/7/2025, số 14/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân xã về giao dự toán và điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025; Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 31/7/2025, số 934/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh về việc giao dự toán và điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025.

Năm 2025 là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, tạo nền tảng, tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Năm 2025 cũng là năm thực hiện mạnh mẽ cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị nhằm xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; theo đó đã nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm triển khai, thực hiện nhiệm vụ trong điều hành thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh, phấn đấu hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách năm 2025, kết quả cụ thể theo một số nội dung chủ yếu sau:

**I. Kết quả thực hiện năm 2025.**

**1. Thu ngân sách.**

Tổng thu ngân sách xã: 155.193 triệu đồng, trong đó:

+ Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 5.240 triệu đồng, đạt 266% dự toán giao. Trong đó:

- Thu ngoài quốc doanh 238 triệu đồng, đạt 127% dự toán giao;

- Lệ phí trước bạ 2.779 triệu đồng, đạt 309 % dự toán giao;

- Thu phí, lệ phí 802 triệu đồng, đạt 622 % dự toán giao;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 575 triệu đồng, đạt 131 % dự toán giao;

- Thu khác NS và thu hoa lợi công sản 845 triệu đồng, đạt 270 % dự toán giao;

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 139.755 triệu đồng

+ Thu chuyển nguồn: 9.786 triệu đồng

+ Thu kết dư ngân sách: 412,3 triệu đồng.

## **2. Về chi ngân sách**

Tổng chi ngân sách năm 2025: 127.573 triệu đồng, bao gồm:

- Chi thường xuyên: 125.707 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách: 1.866 triệu đồng;

## **II. Đánh giá chung**

### **1. Thu ngân sách**

Xác định thu ngân sách là nhiệm vụ trọng tâm, trách nhiệm của các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Căn cứ chỉ tiêu, dự toán thu ngân sách thành phố giao, xã xây dựng, công tác lập dự toán thu ngân sách đã được xác định cụ thể cho từng nguồn thu, từng sắc thuế phát sinh trên địa bàn. Ban Chỉ đạo, các Tổ công tác, các cơ quan, đơn vị đã tích cực chủ động rà soát, khai thác tốt mọi nguồn thu nhằm tăng thu cho NSNN. Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp đạt 266% dự toán giao. Tất cả các chỉ tiêu thu đều hoàn thành vượt kế hoạch. Có được kết quả trên là do có sự chỉ đạo chặt chẽ, kiên quyết, kịp thời của cấp uỷ, chính quyền xã trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước; sự nỗ lực tham mưu thực hiện của các ngành, đơn vị đảm nhận nhiệm vụ thu ngân sách; sự phối hợp trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động thu ngân sách. Ủy ban nhân dân xã đã triển khai các giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu, nợ đọng thuế; phối hợp với cơ quan thuế, thu thuế đối với hoạt động kinh doanh hộ cá thể, nghĩa vụ tài chính trong sử dụng đất, hoa lợi công sản huy động kịp thời nguồn thu vào ngân sách nhà nước.

### **2. Chi ngân sách**

- Ủy ban nhân dân các xã đã ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách năm 2025, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc trong thực hiện dự toán chi: Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, lập kế hoạch, dự trù kinh phí cụ thể chi các hoạt động xuyên suốt cả năm, đảm bảo chủ động nguồn kinh phí, đồng thời hạn chế tình trạng đề xuất bổ sung kinh phí phát sinh ngoài dự toán.

- Chỉ đạo, điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi đảm bảo các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định. Ngoài tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Luật Ngân sách năm 2015, UBND xã tiếp tục thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/6/2025.

- Ngoài nhiệm vụ chi thường xuyên, UBND xã đã chủ động bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất như phòng chống dịch bệnh, thiên tai bão lũ và những nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

- Ủy ban nhân dân xã đã chủ động cân đối nguồn lực để thanh toán nợ các công trình vốn sự nghiệp do xã làm chủ đầu tư được huyện cũ và các xã cũ bàn giao khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát đầu tư; nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ thực hiện Dự toán ngân sách năm 2026.**

#### **1. Phương án dự toán thu chi ngân sách năm 2026:**

##### **1.1. Dự toán thu ngân sách nhà nước**

\* Tổng thu NSNN: 354.533 triệu đồng. Trong đó:

- Thu NSNN trên địa bàn: 174.482 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 180.051 triệu đồng.

##### **1.2. Dự toán thu ngân sách xã**

\* Tổng thu NSNN xã: 241.540 triệu đồng. Trong đó:

- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 61.489 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 180.051 triệu đồng

##### **1.3. Dự toán chi ngân sách xã**

\* Tổng chi ngân sách xã: 241.540 triệu đồng. Bao gồm:

- Chi đầu tư: 40.885 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 195.919 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách: 4.736 triệu đồng.

*(Chi tiết theo biểu số 01, 02)*

#### **2. Phương hướng, nhiệm vụ thực hiện dự toán ngân sách năm 2026**

##### **2.1. Thu ngân sách:**

- Xác định thu ngân sách là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng và thường xuyên, Ủy ban nhân dân xã phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt chỉ tiêu giao năm 2026. Tập trung sự chỉ đạo, điều hành triển khai toàn diện giải pháp phấn đấu thực hiện tăng thu thường xuyên trên địa bàn, tăng thu tiền sử dụng đất theo chỉ tiêu, nhiệm vụ được thành phố giao.

- Tăng cường công tác đấu giá cho thuê đất công ích.

- Tập trung rà soát tất cả nguồn thu; Rà soát công tác xây dựng và lập kế hoạch thu thuế khoán; thực hiện tính đúng, tính đủ để tổ chức thu đúng, thu đủ của các đối tượng nộp thuế không để thất thu, thất thoát ngân sách nhà nước. Xây dựng tiến độ thu cụ thể từng tháng để tổ chức thực hiện, xây dựng các giải pháp tổ chức thực hiện, tập trung vào các chỉ tiêu thu có số thu lớn, các nguồn thu quản lý chưa tốt. Công tác thu ngân sách được thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, thu đúng, thu đủ và phải đảm bảo cho việc nuôi dưỡng nguồn thu.

- Quản lý 100% đối tượng nộp thuế; rà soát đầy đủ, kịp thời các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải kê khai thuế, đảm bảo kê khai thuế chính xác, trung thực, công khai, minh bạch và đúng thời gian quy định. Kiên quyết xử lý đối với các hành vi khai man, trốn thuế, không thực hiện đúng chế độ kế toán thuế, chậm nộp hồ sơ kê khai thuế.

- Tổng hợp phân loại nợ đọng; xây dựng tiến độ thu nợ đọng, xây dựng phương án tổ chức cưỡng chế để thu nợ đọng thuế;

- Thực hiện tốt việc cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Tăng cường công tác tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; công tác tuyên truyền, hướng dẫn người nộp thuế; công tác quản lý giá cả thị trường, phòng chống buôn lậu thương mại... các biện pháp chống số đề để hoàn thành chỉ tiêu thu từ hoạt động xổ số.

- Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo và các tổ chống thất thu ngân sách. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế và các đơn vị chức năng trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã.

## **2.2. Về chi ngân sách**

- Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chi. Kiên quyết từ chối các khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức. Kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán các khoản chi thường xuyên theo dự toán được duyệt đầu năm, dự toán bổ sung trong năm; kiểm soát việc mua sắm tài sản công theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường công tác phối kết hợp giữa UBND xã, KBNN khu vực III- Phòng giao dịch số 3 trong công tác tham mưu điều hành, kiểm soát chi ngân sách.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của các phòng ban, đơn vị; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc sử dụng biên chế và nguồn kinh phí chi trả cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị.

- Nghiêm túc thực hiện việc tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

- Xây dựng các giải pháp tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Đôn đốc các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ các công trình, các nhà thầu triển khai thi công đảm bảo thời gian, chất lượng công trình; tập trung quyết toán công trình hoàn thành.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2025; phương hướng, nhiệm vụ thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2026. /: *vt*

**Nơi nhận:**

- TTHU; TTHĐND;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các ĐB HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT. HS kỳ họp. *vt*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Tiên Thuật**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025  
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Nội dung  | Dự toán năm 2025 |         | Ước thực hiện năm 2025 |         |                        | Dự toán năm 2026 |         |
|-----|---|------------------|---------|------------------------|---------|------------------------|------------------|---------|
|     |   | NSNN             | NSX     | NSNN                   | NSX     | Tỷ lệ (%) THNSX/DT NSX | NSNN             | NSX     |
| A   | B   | 1                | 2       | 3                      | 4       | 5=4/2                  | 6                | 7       |
| I   | Thu NSNN trên địa bàn                                 |                  |         |                        |         |                        |                  |         |
| 1   | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước                  | -                | -       | 304                    | -       |                        | 0                | -       |
|     | - Khu vực DNNN Trung ương                             |                  |         | 0                      | -       |                        |                  |         |
|     | - Khu vực DNNN Địa phương                             |                  |         | 304                    | -       |                        |                  |         |
| 2   | Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài            | -                | -       | 0                      | -       |                        |                  |         |
| 3   | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh               | 940              | 188     | 22.196                 | 238     | 126,8                  | 47.660           | 10.800  |
| 4   | Thuế Thu nhập cá nhân                                 | 465              | -       | 4.608                  | -       |                        |                  | -       |
| 5   | Thuế bảo vệ môi trường                                |                  | -       | 0                      | -       |                        |                  | -       |
| 6   | Lệ phí trước bạ                                       | 900              | 900     | 7.673                  | 2.779   | 308,7                  | 14.200           | 8.600   |
| 7   | Phí và lệ phí   | 129              | 129     | 5.545                  | 802     | 622,1                  | 9.000            | 100     |
| 8   | Thuế tài nguyên                                       |                  |         |                        | -       |                        |                  |         |
| 9   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                            |                  |         |                        | -       |                        |                  |         |
| 10  | Các khoản thu về nhà đất                              | 440              | 440     | 114.239                | 575     | 130,7                  | 103.032          | 41.471  |
|     | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp                        |                  | -       | 0                      | -       |                        |                  | -       |
|     | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                    | 440              | 440     | 734                    | 575     | 130,7                  | 430              | 430     |
|     | - Thu tiền cho thuê đất                               |                  | -       | 507                    | -       |                        | 390              | 156     |
|     | Trong đó: Ghi thu, ghi chi                            |                  |         | 0                      | 0       |                        |                  | -       |
|     | - Thu tiền sử dụng đất                                |                  |         | 112.998                | -       |                        | 102.212          | 40.885  |
|     | - Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN |                  |         | 0                      | -       |                        |                  | -       |
| 11  | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết                     |                  |         | 0                      | -       |                        |                  | -       |
| 12  | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản               |                  |         | 687                    | -       |                        |                  | -       |
| 13  | Thu khác NS, thu hoa lợi công sản                     | 313              | 313     | 1.599                  | 845     | 270,1                  | 590              | 518     |
|     | Trong đó: - Thu khác ngân sách                        | 85               | 85      | 1.243                  | 490     | 576,2                  | 90               | 18      |
|     | - Thu hoa lợi công sản                                | 228              | 228     | 356                    | 356     | 156,0                  | 500              | 500     |
| II  | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                     | 126.891          | 126.891 | 139.755                | 139.755 | 110,1                  | 180.051          | 180.051 |
|     | TỔNG THU NGÂN SÁCH                                    | 130.078          | 128.861 | 296.606                | 144.995 | 112,5                  | 354.533          | 241.540 |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025,  
PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

Đơn vị: triệu đồng

| TT         | Đơn vị   | Dự toán chi 2025 | Ước thực hiện 2025 | Dự toán chi 2026 | Tỷ lệ UTH 2025/DT 2025 | So sánh DT2026/UTH 2025 |
|------------|--|------------------|--------------------|------------------|------------------------|-------------------------|
| A          | B  | 10=8+9           |                    |                  |                        |                         |
|            | <b>TỔNG CHI ( I+II+III)</b>                                | <b>128 861</b>   | <b>127 573</b>     | <b>241 540</b>   | <b>99,0</b>            | <b>189</b>              |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư</b>  | <b>0</b>         | <b>0</b>           | <b>40 885</b>    |                        |                         |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                    | <b>126 334</b>   | <b>125 707</b>     | <b>195 919</b>   | <b>99,5</b>            | <b>156</b>              |
| 1          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                         | 67 111           | 66 998             | 91 340           | 99,8                   | 136                     |
| 2          | Chi khoa học và công nghệ                                  |                  | 0                  | 390              |                        |                         |
| 3          | Chi quốc phòng, an ninh                                    | 3 243            | 3 234              | 6 091            | 99,7                   | 188                     |
| 4          | Chi An ninh  | 2 519            | 2 510              | 0                | 99,7                   | 0                       |
| 5          | Chi y tế, dân số và gia đình                               | 5 256            | 5 252              | 4 375            | 99,9                   | 83                      |
| 6          | Chi văn hóa thông tin                                      | 555              | 527                | 5 358            | 95,0                   | 1 016                   |
| 7          | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn                     | 462              | 443                | 300              | 95,9                   | 68                      |
| 8          | Chi thể dục thể thao                                       | 194              | 190                | 355              | 97,9                   | 187                     |
| 9          | Chi bảo vệ môi trường                                      | 2 303            | 2 288              | 1 356            | 99,3                   | 59                      |
| 10         | Chi các hoạt động kinh tế                                  | 9 776            | 9 640              | 16 692           | 98,6                   | 173                     |
| 11         | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | 25 661           | 25 427             | 34 179           | 99,1                   | 134                     |
| 12         | Chi bảo đảm xã hội   | 11 189           | 11 165             | 34 508           | 99,8                   | 309                     |
| 13         | Chi khác   | 584              | 542                | 975              | 92,8                   | 180                     |
| <b>III</b> | <b>Dự phòng ngân sách</b>                                  | <b>2 527</b>     | <b>1 866</b>       | <b>4 736</b>     | <b>73,8</b>            | <b>254</b>              |

HAI PHƯƠNG